



chuán rǎn xìng

传染性

noun · infectiousness; contagiousness

Example Sentences

Yī shēng tí xǐng dà jiā zhù yì chuán rǎn xìng de fēng xiǎn
医生提醒大家注意传染性的风险。

The doctor reminded everyone to be aware of
the risk of infectiousness.

Zhè zhǒng bìng de chuán rǎn xìng hěn qiáng
这种病的传染性很强。

This disease is highly contagious.

Trace each character, then write the word on your own.

传	传	传	传	传	传	传	传	传		
染	染	染	染	染	染	染	染	染	染	染
染										
性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性